

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2022/HS-PT

Ngày 15-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tòng

Ông Nguyễn Chí Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 105/2022/TLPT-HS ngày 28 tháng 10 năm 2022 đối với các bị cáo N.V.C.T và T.V.N do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2022/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. N.V.C.T, sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp AN1, xã ĐPH, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không ổn định; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông N.V.T và bà T.T.S; vợ: N.T.C.T; con: có 01 con sinh năm 2016; tiền án: không; tiền sự: có 01 tiền sự; tại Quyết định số: 30/QĐ-XPVPHC ngày 27/9/2021 của Trưởng Công an xã ĐPH, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, nộp phạt vào ngày 06/10/2021; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. T.V.N, sinh năm 1999 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp AL, xã AT, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không ổn định; trình độ học vấn: 8/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông T.V.L và bà C.T.D; tiền án: không; tiền sự: có 01 tiền sự; tại Quyết định số: 01/QĐ-XPVPHC ngày 17/02/2022 của Trưởng Công an xã AT, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, chưa nộp phạt;

bị cáo tại ngoại; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo N.V.C.T*: Luật sư Lê Nhật Hoàng – Văn phòng luật sư Hoàng Gia thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 22/02/2022, N.V.C.T rủ T.V.N đi lấy trộm mai kiểng thì được T.V.N đồng ý nên đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 23/02/2022, N.V.C.T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 71FL-xxxx của mình đến rước T.V.N tại nhà ở ấp AL, xã AT, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Do trước đó N.V.C.T đã phát hiện cây mai đẹp nên chở T.V.N chạy đến trước sân nhà ông N.M.H (sinh năm 1972 ở ấp PLT, xã AD, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre) thì dừng xe. Quan sát thấy không có người nên T.V.N xuống xe còn N.V.C.T thì quay đầu xe hướng ra lộ Giồng Vỡ. Sau đó, N.V.C.T và T.V.N cùng đi đến vị trí cây mai trồng trong chậu ở bên phải theo hướng từ ngoài lộ nhìn vào trong nhà ông N.M.H và cùng nhau dùng tay nhổ cây mai lên, T.V.N cầm cây mai mang ra xe, N.V.C.T điều khiển xe chở T.V.N ngồi sau ôm cây mai chạy đến nhà bạn N.V.C.T là N.M.S (sinh năm 1988, cư trú ở ấp AV1, xã ĐPH, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre) để gửi cây mai trộm được rồi đưa T.V.N về nhà. Đến khoảng 09 giờ ngày 24/02/2022, N.V.C.T đi tìm người bán cây mai thì gặp N.H.D (sinh năm 1988, cư trú ở ấp An Vĩnh 1, xã ĐPH, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre) kêu bán cây mai và chở N.H.D đến nhà N.M.S để xem cây thì gặp T.V.N nên cùng nhau đi đến nhà N.M.S. Do không bán được cây mai cho N.H.D nên N.V.C.T thuê N.M.S lấy xe lồng chở cây mai lên thị trấn Mỏ Cày để tìm nơi tiêu thụ còn N.V.C.T điều khiển xe mô tô chở N.H.D đi trước, T.V.N điều khiển xe mô tô đi theo sau. Trên đường đi đến khu vực thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam thì bị lực lượng Công an kiểm tra, mời N.M.S làm việc và thu giữ tang vật trong vụ án. Sau đó N.V.C.T và T.V.N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) cây mai vàng có bẹ hoành thân lớn nhất gần đế kích thước 33cm, cao 2,65m, tàng rộng 1,4m, có một mặt cắt kích thước 08cm x 06cm, mặt cắt cách đế 1,3m, phần rễ không có bao bầu, nhánh đều xung quanh thân được uốn bằng dây nhôm quấn bằng keo đen.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 27/KL-HĐĐGTS ngày 16/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xác định cây mai vàng của bị hại N.M.H có giá trị là 3.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã trả lại cây mai cho bị hại N.M.H.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2022/HS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo N.V.C.T và T.V.N phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt các bị cáo N.V.C.T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt các bị cáo T.V.N 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/9/2022 bị cáo N.V.C.T kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, ngày 03/10/2022 bị cáo T.V.N kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo N.V.C.T và T.V.N phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, với mức hình phạt tù là tương xứng, các bị cáo đều có tiền sự, nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo, các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ khác nên không đủ cơ sở giảm hình phạt. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt các bị cáo N.V.C.T 09 tháng tù, xử phạt bị cáo T.V.N 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bị cáo N.V.C.T không tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo N.V.C.T cho rằng, về tội danh không tranh luận, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ theo điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự theo án sơ thẩm nêu, ngoài ra sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo có đơn bãi nại của bị hại cho bị cáo hưởng án treo, bị cáo đang nuôi con nhỏ (6 tuổi), bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo giảm hình phạt cho bị cáo, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cho bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo nuôi con nhỏ.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo T.V.N yêu cầu giảm nhẹ hình phạt; bị cáo N.V.C.T cho rằng cảm thấy sai trái, ăn năn hối cải yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt để nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo N.V.C.T không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định. Vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày 23/02/2022 tại nhà ông N.M.H ở ấp PLT, xã AD, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, N.V.C.T và T.V.N đã lén lút chiếm đoạt của ông N.M.H 01 (một) cây mai vàng có bề hoành thân lớn nhất gần đế kích thước 33cm, cao 2,65m, tàng rộng 1,4m, có giá trị là 3.000.000 đồng.

Với ý thức, hành vi và giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo N.V.C.T và T.V.N phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: các bị cáo chưa có tiền án nhưng có tiền sự về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”. Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn”, “phạm tội lần đầu và

thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, các bị cáo đều có ông nội là Liệt sỹ, bị cáo T.V.N có thời gian phục vụ tại ngũ cho quân đội theo quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N.V.C.T cung cấp đơn xin bãi nại của bị hại N.M.H và đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình, bị cáo là lao động chính trong gia đình do vợ bỏ đi bị cáo phải chăm sóc con nhỏ (các tình tiết này thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự), bị cáo T.V.N không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào khác. Xét yêu cầu hưởng án treo của các bị cáo, do cả hai bị cáo đều có tiền sự nên không đủ điều kiện được hưởng án treo, hay áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo N.V.C.T có thêm tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, trong đó bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần giảm một phần hình phạt cho bị cáo N.V.C.T cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo. Do giảm hình phạt đối với bị cáo N.V.C.T nên giảm một phần hình phạt cho bị cáo T.V.N vì bị cáo T.V.N thực hiện hành vi do bị cáo N.V.C.T rủ rê, với vai trò đồng phạm và theo yêu cầu giảm hình phạt tại phần nói lời sau cùng của bị cáo. Bị cáo T.V.N có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất mà điều luật quy định cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo. Do vậy, chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo sửa bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên, quan điểm của người bào chữa cho bị cáo N.V.C.T có phần không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo; sửa quyết định của Bản án sơ thẩm;

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo N.V.C.T và T.V.N phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt các bị cáo **N.V.C.T** 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt các bị cáo **T.V.N** 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các bị cáo **N.V.C.T** và **T.V.N** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam (6b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Công an huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã ĐPH, h. Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã AT, h. Mỏ Cày Nam (1b);
- Các bị cáo + người bào chữa (3b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh